

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, công tác ứng dụng công nghệ thông tin đã đạt được một số kết quả quan trọng. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin của tỉnh ngày càng phát triển, toàn tỉnh có 2.818 trạm BTS phát sóng di động 2G/3G/4G, 100% xã, phường, thị trấn có cáp quang đến và cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng. Các phần mềm dùng chung như: Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai đồng bộ và liên thông 4 cấp gắn với sử dụng hộp thư điện tử công vụ và chữ ký số chuyên dùng. Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được triển khai đồng bộ và kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 (với 1.030 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4). Cổng/trang thông tin điện tử triển khai đến hầu hết các cơ quan, đơn vị. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai đồng bộ, liên thông đến cấp xã; cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang từng bước được triển khai, nâng cấp. Chỉ số xếp hạng về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (ICT-Index) liên tục tăng qua các năm, năm 2020 xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số ICT-Index các cơ quan Đảng Lạng Sơn năm 2020 xếp thứ 10/63 tỉnh uỷ, thành uỷ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế, đó là: Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử chưa chặt chẽ; trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức cũng như người dân và doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội chưa đồng bộ, chưa kết nối với khối chính quyền. Việc tổ chức triển khai các chương trình, dự án về công nghệ thông tin chưa đồng bộ, triển khai một số phần mềm chuyên ngành với cơ sở dữ liệu còn phân tán, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng khó thực hiện; thiếu nhân lực chất lượng cao để tham mưu, triển khai các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, vận hành, khai thác các hệ thống công nghệ thông tin; công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ lộ lọt, mất an toàn thông tin; kinh tế số, xã hội số trong một số lĩnh vực phát triển tự phát, nhỏ lẻ, sự tham gia của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đó là: Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa coi trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; nhận thức về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của nhiều cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp chưa theo kịp tốc độ phát triển công nghệ mới để ứng dụng hiệu quả trong công việc. Cơ chế, chính sách phục vụ cho chuyển đổi số còn thiếu, chưa tạo động lực để phát triển nhanh và khuyến khích thu hút nhân lực lĩnh vực công nghệ thông tin - viễn thông. Kinh phí dành cho công tác xây dựng chính quyền điện tử, công tác chuyển đổi số còn hạn hẹp, chưa xác định rõ lộ trình, nguồn lực, mục tiêu ưu tiên, mục tiêu cụ thể để triển khai thực hiện. Công tác tuyên truyền và huy động nguồn lực xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến chuyển đổi số.

Chuyển đổi số với tầm nhìn dài hạn là xây dựng tỉnh Lạng Sơn trở thành tỉnh có bước đi nhanh, sớm thực hiện chuyển đổi số tổng thể, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chuyển đổi nhận thức của cộng đồng, tư duy và ý chí quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong công tác chuyển đổi số; nắm bắt kịp thời và tận dụng có hiệu quả cơ hội do chuyển đổi số mang lại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, lấy thể chế và công nghệ là động lực, phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá, đảm bảo an toàn, an ninh mạng là then chốt.

Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống người dân; đảm bảo an ninh, an toàn xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số là nền kinh tế với các hoạt động dựa trên công nghệ số và nền tảng số, đặc biệt là các giao dịch điện tử trên Internet. Xây dựng xã hội số là xã hội hiện đại áp dụng và tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống, có mối liên kết chặt chẽ, tương hỗ lẫn nhau, là hai mặt không tách rời của quá trình chuyển đổi số, phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, thực sự trở thành nền tảng quan trọng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của

các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và đời sống của Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2025 tỉnh Lạng Sơn nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Chuyển đổi số trong cơ quan Đảng

- Các hệ thống thông tin chuyên ngành, phần mềm ứng dụng được xây dựng, nâng cấp và đưa vào sử dụng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ tại cơ quan Đảng. Các thông tin số trong công tác tham mưu, tổng hợp, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được cập nhật, khai thác trên hệ thống thông tin tổng hợp và các hệ thống thông tin chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu; các văn bản, tài liệu chính thức có nội dung thông tin không mật được ký số, xử lý, gửi, nhận trên mạng máy tính giữa các cơ quan đảng ở các cấp và giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; các văn kiện, tài liệu được số hoá kịp thời và đưa vào khai thác trên mạng máy tính theo quy định. Các văn bản điện tử có độ mật được bảo đảm bởi các giải pháp của Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định.

- Triển khai Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền web.

- Kết nối mạng thông tin diện rộng của cơ quan Đảng với băng thông rộng, kết nối Internet có quản lý và kết nối với hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng, ổn định, an toàn của 100% cơ quan Đảng ở cấp tỉnh, cấp huyện.

- Xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung theo chuẩn tier II. Hoàn thiện và duy trì hệ thống hội nghị trực tuyến Tỉnh ủy; 100% các huyện ủy, thành ủy triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin toàn bộ hệ thống mạng máy tính, hệ thống thông tin, dữ liệu của cơ quan đảng, đồng thời đáp ứng yêu cầu cập nhật, khai thác, xử lý, lưu trữ dữ liệu và phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin. Bảo vệ bí mật thông tin trên các máy tính và mạng máy tính theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng để khai thác, sử dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

b) Phát triển chính quyền số

- 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.

- 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.
- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- 100% các hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.
- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.
- 100% cơ quan nhà nước có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 100% đơn vị cấp xã có hệ thống thông tin truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ số, nền tảng số.
- 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước hoạt động trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh (Lạng Sơn Cloud).
- 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa, xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp,... tạo nền tảng phát triển chính quyền số của tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.
- 100% cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước có ít nhất một Trợ lý ảo hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường làm việc.

c) Phát triển kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.
- Tỷ lệ hộ gia đình, người dân có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử đạt trên 50%.

d) Phát triển xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử, ví điện tử trên 50%.

- 100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- 100% các trường học sử dụng nền tảng số trong công tác giảng dạy và hoạt động quản lý.

- 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số.

- Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đạt 100%.

- Lạng Sơn thuộc nhóm hạng A, nhóm dẫn đầu quốc gia về an toàn, an ninh mạng.

e) Phát triển cửa khẩu số

- 100% các phương tiện vận tải, doanh nghiệp, thương nhân xuất nhập khẩu hàng hóa được cung cấp dịch vụ số trên một nền tảng cửa khẩu số.

- 100% các cơ quan, đơn vị có liên quan sử dụng một nền tảng cửa khẩu số trong quản lý số lượng người, phương tiện, hàng hóa luân chuyển qua cửa khẩu.

- 100% các hoạt động kiểm tra, giám sát của lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành liên quan sử dụng một nền tảng cửa khẩu số.

- Nền tảng cửa khẩu số phải ứng dụng các công nghệ số hiện đại như điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI).

2.3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phát triển chính quyền số

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc bí mật nhà nước).

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.

- Tỷ lệ hộ gia đình, người dân có cửa hàng số trên nền tảng thương mại điện tử trên 80%.

c) Phát triển xã hội số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử, ví điện tử trên 80%.

- Lạng Sơn thuộc nhóm hạng A, nhóm dẫn đầu quốc gia về an toàn, an ninh mạng.

d) Phát triển cửa khẩu số

Tiếp tục duy trì, phát triển cửa khẩu số tỉnh Lạng Sơn thành cửa khẩu số thông minh.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, người dân và doanh nghiệp

Các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch, đề án của Trung ương và của tỉnh về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng, các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức và trách nhiệm chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bản chất, nội dung, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đến các cán bộ, đảng viên và nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân, doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận trong xã hội và toàn hệ thống chính trị.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng công cuộc chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực

Rà soát, sửa đổi, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số tổng thể và toàn diện, phát triển mạnh mẽ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số gắn với khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh. Rà soát, lập quy hoạch tổng thể phát triển thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số.

Đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin - viễn thông hiện có; đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; quan tâm thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ cho

cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, trung tâm nghiên cứu trong nước để đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

Vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, xây dựng hành lang pháp lý đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

3. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu, các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn nước ngoài và xã hội hóa để đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

Khuyến khích các doanh nghiệp phát triển mạng di động 5G tại các khu vực quan trọng trên địa bàn tỉnh như khu trung tâm, khu thương mại - dịch vụ, khu du lịch, khu vực cửa khẩu, phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT), hạ tầng điện toán đám mây phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của tỉnh.

Thu hút doanh nghiệp công nghệ số thử nghiệm, đầu tư phát triển nền tảng số hiện đại, ứng dụng các công nghệ điện toán đám mây (Cloud) dữ liệu lớn (Bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) cho tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực quản lý hành chính, cửa khẩu số và trong các lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, giao thông, ...

4. Chuyển đổi số trong cơ quan Đảng

Cấp ủy, tổ chức Đảng các cấp chỉ đạo triển khai xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, dự án chuyển đổi số tổng thể và toàn diện trong cơ quan Đảng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng theo thứ tự ưu tiên dựa trên nhu cầu thực tế, bảo đảm hiệu quả, khả thi, thiết thực và tiết kiệm.

Xây dựng, phát triển, áp dụng Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan Đảng. Chuẩn hóa dữ liệu số, xây dựng, thiết kế lại quy trình giải quyết công việc của cơ quan đảng dựa trên hạ tầng số và nền tảng số; hoàn thiện, bổ sung các quy định, hướng dẫn về trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản, tài liệu điện tử trong cơ quan đảng; các hướng dẫn về kỹ thuật; quy định chia sẻ thông tin, dữ liệu trong các cơ quan đảng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin qua Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin; kịp thời đôn đốc, giải quyết những khó khăn, vướng mắc để đảm bảo thực hiện đúng nội dung, tiến độ kế hoạch đề ra.

5. Phát triển chính quyền số

Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển chính quyền số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng nền tảng điện toán đám mây của tỉnh (Lạng Sơn Cloud) dựa trên việc hoàn thiện, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; ứng dụng các công nghệ số hiện đại như: Dữ liệu lớn (Bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain); xây dựng, tạo lập dữ liệu mở và mở dữ liệu phục vụ cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng chống tiêu cực, tham nhũng.

Chuẩn hóa dữ liệu số, xây dựng, thiết kế lại quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước dựa trên hạ tầng số và nền tảng số; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử của các cơ quan đảng, nhà nước theo quy định.

6. Phát triển kinh tế số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; trọng tâm là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Bigdata) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh để chuyển đổi cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

Xây dựng, phát triển thị trường thương mại số của tỉnh lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại số. Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

Phát triển nền tảng thương mại số thông qua chuỗi giá trị, hình thành chuỗi cung ứng trong đó có sự tham gia của các doanh nghiệp, nhà sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh với các nhà sản xuất, phân phối và các công ty thương mại điện tử trong và ngoài nước.

Tập trung ưu tiên chuyển đổi số trong quản lý các ngành, lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, công nghiệp, thương mại.

7. Phát triển xã hội số, xây dựng đô thị thông minh

Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng thông rộng đến từng hộ gia đình và dịch vụ mạng di động 4G/5G; khuyến khích doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử.

Tăng cường số hóa cơ sở dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Lạng Sơn thân thiện, văn minh và có trách nhiệm trên không gian mạng.

Triển khai xây dựng đô thị thông minh, ứng dụng các dịch vụ thông minh, tạo kênh tương tác giữa chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo đại trà trực tuyến, hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

8. Phát triển cửa khẩu số

Triển khai xây dựng và tạo ra một nền tảng số duy nhất ứng dụng cho các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh và có khả năng nhân rộng ra các địa phương khác. Tái cấu trúc, xây dựng, thiết kế lại, tạo ra sự liên thông quy trình nghiệp vụ giữa các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng hoạt động tại khu vực cửa khẩu. Quản lý chặt chẽ người, phương tiện, hàng hóa luân chuyển qua cửa khẩu; đồng bộ việc quản lý, kiểm tra, giám sát giữa dòng chảy dữ liệu và dòng chảy vật chất về phương tiện, hàng hóa.

Tự động hóa quy trình, giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp có phương tiện xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; áp dụng các công nghệ số hiện đại như AI, Bigdata, Cloud; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, có khả năng kết nối/chia sẻ dữ liệu qua Trục liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

9. Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho tiến trình chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số thông qua việc hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; tuyên truyền nâng cao nhận thức kỹ năng phòng, tránh nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực an toàn, an ninh mạng phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Tăng cường công tác quản lý an toàn, an ninh mạng, phòng chống các hoạt động tấn công, thâm nhập vào các hệ thống quản lý, điều hành của các cấp chính quyền trên môi trường số; tiếp tục đầu tư nâng cấp, xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng; sẵn sàng ứng phó với các nguy cơ, tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo vệ sự thịnh vượng của tỉnh Lạng Sơn trên không gian mạng.

10. Hợp tác quốc tế thúc đẩy chuyển đổi số

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, tổ chức hội thảo, xây dựng chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị- xã hội tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát công tác triển khai thực hiện; nghiên cứu, đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh nhằm tạo môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số tổng thể và toàn diện trên địa bàn tỉnh.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện tốt công tác quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết về chuyển đổi số đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết; cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp theo lộ trình, phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của tỉnh.

Chủ trì phối hợp với các ban xây dựng Đảng tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(B/c)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Quốc Đoàn